

Số: /2026/TT-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định về quản lý, cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác
và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ**

Căn cứ Nghị định số 276/2026/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Tờ diễn dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 1308/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định về quản lý, cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về hoạt động quản lý, cập nhật, lưu trữ, kết nối, chia sẻ, giám sát, xử lý sự cố, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ.

2. Thông tư này không áp dụng đối với dữ liệu, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chứa bí mật nhà nước và cơ sở dữ liệu bị hạn chế trong giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, vận hành, cập nhật, duy trì, kết nối, giám sát, xử lý sự cố, chia sẻ, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ* là tập hợp các cơ sở dữ liệu quản lý thông tin, dữ liệu về đối tượng nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nội vụ được quy định tại Danh mục cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ.

2. *Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ* là cơ quan có thẩm quyền quản lý hoặc phân cấp quản lý việc xây dựng, quản lý, xác nhận, phê duyệt sửa đổi nội dung, thay đổi trạng thái, khai thác cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng

1. Cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ được xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng thống nhất, bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ từ trung ương đến địa phương.

2. Việc thu thập, tạo lập, cập nhật dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu phải bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả năng dùng chung; dữ liệu chỉ thu thập từ một nguồn, một lần và sử dụng nhiều lần; ưu tiên tái sử dụng dữ liệu hiện có trong các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.

3. Dữ liệu phải được chuẩn hóa, cập nhật thường xuyên, bảo đảm các tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về cấu trúc, định dạng, giao thức kết nối và yêu cầu liên thông dữ liệu.

4. Cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ phải bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng theo quy định. Kiến trúc dữ liệu phải bảo đảm khả năng mở rộng, sẵn sàng tích hợp các công nghệ xử lý dữ liệu lớn để phục vụ công tác phân tích, dự báo.

5. Bộ Nội vụ thống nhất quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ, chịu trách nhiệm về chất lượng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

6. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu phải bảo đảm tuân thủ pháp luật, đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Chương II

QUẢN LÝ, CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 5. Trung tâm dữ liệu Bộ Nội vụ

1. Trung tâm dữ liệu Bộ Nội vụ là cơ sở vật lý, bao gồm hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống nguồn điện, điều hòa chính xác, phòng cháy chữa cháy, kiểm soát truy cập, giám sát môi trường, máy chủ, thiết bị lưu trữ, thiết bị mạng, bảo mật và phần mềm nền tảng phục vụ xử lý, lưu trữ, trao đổi và quản lý tập trung dữ liệu của Bộ Nội vụ.

2. Trung tâm dữ liệu Bộ Nội vụ có vai trò tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, khai thác, chia sẻ, phân tích và điều phối dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Nội vụ quản lý, cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ để tạo dựng kho dữ liệu về các thông tin, dữ liệu ngành Nội vụ phục vụ quản lý nhà nước.

Điều 6. Quản lý cơ sở dữ liệu

1. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ trực tiếp quản lý, thực hiện quản trị, điều hành thống nhất, tập trung hoặc phân cấp quản lý; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để chuẩn hóa dữ liệu, bảo đảm chia sẻ dữ liệu an toàn, bảo mật; triển khai thực hiện cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung quản lý cơ sở dữ liệu gồm:

- a) Thu thập, tạo lập, cập nhật dữ liệu để hình thành cơ sở dữ liệu;
- b) Cấp, quản lý tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu;
- c) Duy trì, quản lý sự thay đổi dữ liệu;
- d) Kết nối, chia sẻ dữ liệu và quản lý kết nối, chia sẻ dữ liệu;
- đ) Khai thác, sử dụng dữ liệu;
- e) Lưu trữ dữ liệu;
- g) Xử lý sự cố.

Điều 7. Cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ

1. Dữ liệu được cập nhật vào cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ phải bảo đảm có nguồn gốc hợp pháp, chính xác, đầy đủ, kịp thời, thống nhất và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu.

2. Dữ liệu được cập nhật từ các nguồn sau đây:

- a) Hoạt động nghiệp vụ;
- b) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính;
- c) Số hóa hồ sơ đối tượng quản lý;
- d) Kết nối, chia sẻ dữ liệu;

đ) Nguồn dữ liệu hợp pháp khác.

3. Việc cập nhật dữ liệu được thực hiện theo các phương thức sau đây:

a) Cập nhật trực tiếp trên hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ;

b) Cập nhật thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;

c) Cập nhật tự động hoặc bán tự động thông qua giao diện lập trình ứng dụng (API), dịch vụ dữ liệu hoặc phương thức kỹ thuật khác đáp ứng yêu cầu về an toàn, bảo mật;

d) Các phương thức cập nhật khác theo quy định của pháp luật.

4. Dữ liệu phải được cập nhật ngay sau khi phát sinh, thay đổi hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; trường hợp chưa thể cập nhật ngay thì phải được cập nhật trong thời hạn phù hợp với yêu cầu quản lý của từng lĩnh vực chuyên ngành.

5. Dữ liệu phải được kiểm tra, đối chiếu, xác thực và chuẩn hóa theo quy định về tiêu chuẩn dữ liệu, quy chuẩn kỹ thuật và danh mục dùng chung của ngành Nội vụ trước khi cập nhật vào cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ.

6. Việc cập nhật dữ liệu phải bảo đảm:

a) Không làm mất, thay đổi trái phép hoặc ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của dữ liệu đã được xác nhận;

b) Có khả năng truy xuất nguồn gốc, thời điểm cập nhật, chủ thể thực hiện cập nhật và nội dung thay đổi;

c) Dữ liệu sau khi cập nhật được đồng bộ với các hệ thống có liên quan theo quy định.

7. Trường hợp phát hiện dữ liệu được cập nhật không chính xác, không đầy đủ, trùng lặp hoặc không đúng thẩm quyền thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm tạm dừng khai thác đối với dữ liệu đó; phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu để kiểm tra, xác minh, hiệu chỉnh hoặc hủy bỏ theo quy định; mọi hoạt động xử lý phải được ghi nhận trong nhật ký hệ thống.

8. Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp, cập nhật dữ liệu chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu do mình cung cấp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ.

9. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ có trách nhiệm tạo lập, cấp tài khoản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân để truy cập và cập nhật dữ liệu theo phân quyền.

Điều 8. Cấp và quản lý tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu

1. Việc truy cập cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ được thực hiện thông qua tài khoản được cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi khai thác, sử dụng dữ liệu.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản chịu trách nhiệm bảo mật tài khoản, bảo mật dữ liệu và quản lý, sử dụng tài khoản theo quy định. Hệ thống

quản lý phải sử dụng giải pháp xác thực nhiều lớp khi đăng nhập, kiểm soát chặt chẽ các tài khoản có quyền quản trị và tự động đưa ra cảnh báo hoặc khóa tài khoản khi phát hiện số lượng khai thác, tải dữ liệu lớn vượt mức bình thường.

3. Tài khoản được thu hồi, khóa truy cập ngay khi cơ quan, tổ chức giải thể hoặc thay đổi chức năng, nhiệm vụ không còn thẩm quyền truy cập; cá nhân vi phạm pháp luật, bị kỷ luật có liên quan đến cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ, nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác, điều động, luân chuyển sang đơn vị khác; định kỳ rà soát tài khoản truy cập; lưu lịch sử cấp quyền theo thời gian lưu nhật ký hệ thống.

Điều 9. Phê duyệt và lưu trữ dữ liệu

1. Ngay khi dữ liệu được cập nhật, người có thẩm quyền phê duyệt phải thực hiện phê duyệt dữ liệu bằng chữ ký số chuyên dùng công vụ hoặc phương thức xác thực điện tử tại cơ sở dữ liệu.

2. Dữ liệu được kết nối, đồng bộ từ nguồn dữ liệu gốc đã được xác nhận thì không phải phê duyệt lại, hệ thống chỉ ghi nhận nguồn, thời điểm đồng bộ và lịch sử thay đổi.

3. Dữ liệu được lưu trữ tập trung tại Trung tâm dữ liệu Bộ Nội vụ hoặc Trung tâm dữ liệu quốc gia và được sao lưu định kỳ, lưu trữ các bản sao lưu tối thiểu 12 tháng để dự phòng rủi ro.

Điều 10. Duy trì, quản lý sự thay đổi dữ liệu

1. Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ phải được duy trì thường xuyên nhằm bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, thống nhất, toàn vẹn, kịp thời và phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước của ngành Nội vụ.

2. Khi có sự thay đổi về thông tin, dữ liệu gốc, quy định của pháp luật, tiêu chuẩn dữ liệu, danh mục dùng chung hoặc yêu cầu quản lý, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm cập nhật, hiệu chỉnh hoặc xử lý dữ liệu theo thẩm quyền để bảo đảm tính thống nhất trong cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ.

3. Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ phải được kiểm tra, đánh giá định kỳ. Nội dung đánh giá gồm:

- a) Tính đầy đủ;
- b) Tính chính xác;
- c) Tính thống nhất;
- d) Tính kịp thời;
- đ) Khả năng sử dụng lại.

4. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đánh giá, làm sạch dữ liệu, xử lý dữ liệu trùng lặp; đối với dữ liệu không còn giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật, phải tổ chức hủy bỏ dữ liệu theo quy trình an toàn, bảo đảm xóa bỏ hoàn toàn trên các thiết bị lưu trữ và không thể phục hồi lại thông tin.

Chương III

KẾT NỐI, CHIA SẺ, GIÁM SÁT, XỬ LÝ SỰ CỐ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU

Điều 11. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ, điều phối dữ liệu Bộ Nội vụ (LGSP/LDOP).

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu ngành Nội vụ với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia (NDOP).

3. Phương thức chia sẻ dữ liệu được thực hiện thông qua giao thức lập trình ứng dụng (API), kết nối trực tiếp hoặc đồng bộ định kỳ. Ưu tiên áp dụng giải pháp chia sẻ dữ liệu tự động theo thời gian thực đối với các thông tin về tổ chức bộ máy, biên chế và nhân sự có biến động thường xuyên. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ phải ban hành đầy đủ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật kết nối thống nhất và chuẩn hóa bộ mã báo lỗi hệ thống.

4. Dữ liệu được chia sẻ phải đúng phạm vi, mục đích sử dụng, phương thức, thời hạn và định dạng dữ liệu theo quy định; bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, an toàn và bảo mật.

5. Đối với dữ liệu chủ ngành Nội vụ, việc cập nhật, thay đổi dữ liệu phải được thực hiện đồng bộ theo thời gian thực vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP) ngay trong quy trình nghiệp vụ chuyên ngành hoặc quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật có liên quan trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu.

7. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ có trách nhiệm trong việc bảo đảm tính sẵn sàng, ổn định của các dịch vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Điều 12. Giám sát hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu phải được giám sát tập trung, liên tục, công khai và có truy vết thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ, điều phối dữ liệu Bộ Nội vụ.

2. Nội dung giám sát gồm:

- a) Quản lý đăng nhập;
- b) Xác thực điện tử;
- c) Thống kê, báo cáo nhật ký các lần kết nối, chia sẻ;

- d) Thời gian kết nối, chia sẻ;
- đ) Báo cáo xử lý các phát sinh trong quá trình kết nối, chia sẻ;
- e) Lưu nhật ký hoạt động kết nối, chia sẻ.

3. Thời hạn lưu nhật ký hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu tối thiểu là 12 tháng kể từ thời điểm thực hiện kết nối, chia sẻ. Nhật ký hoạt động phải được lưu trữ an toàn, bảo đảm tính toàn vẹn, không thể can thiệp, chỉnh sửa và phục vụ công tác kiểm tra, truy vết khi cần thiết.

Điều 13. Khai thác và sử dụng dữ liệu

1. Hình thức khai thác dữ liệu gồm:

- a) Khai thác trực tuyến trên hệ thống.
- b) Khai thác thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu.
- c) Khai thác thông qua dịch vụ dữ liệu.
- d) Hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Phân quyền khai thác dữ liệu:

a) Quyền khai thác dữ liệu được xác lập theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; chỉ được khai thác các trường thông tin cần thiết, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và mục đích đã đăng ký; không được sử dụng dữ liệu cho mục đích khác hoặc chia sẻ lại cho bên thứ ba khi chưa được phép.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ được khai thác dữ liệu thuộc phạm vi được phân quyền. Đối với dữ liệu cá nhân, dữ liệu nhạy cảm, việc khai thác phải được phân quyền chặt chẽ, có cơ chế kiểm soát, ghi nhận lịch sử khai thác và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

c) Mọi hoạt động khai thác dữ liệu phải được ghi nhận trên hệ thống.

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác dữ liệu không thuộc phạm vi được phân quyền khai thác phải gửi yêu cầu nêu rõ mục đích, phạm vi, nội dung và thời gian khai thác, sử dụng dữ liệu.

3. Sử dụng dữ liệu trong hoạt động quản lý nhà nước:

a) Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ được sử dụng phục vụ công tác quản lý nhà nước.

b) Dữ liệu được sử dụng để cắt giảm thành phần hồ sơ có trong thủ tục hành chính và tái sử dụng theo quy định.

4. Sử dụng dữ liệu mở trong hoạt động phát triển kinh tế số, xã hội số:

a) Dữ liệu mở của Bộ Nội vụ được công bố, chia sẻ trên Cổng dữ liệu mở quốc gia.

b) Dữ liệu mở của Bộ Nội vụ được chia sẻ, khai thác nhằm tăng cường chia sẻ dữ liệu, thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm an toàn thông tin của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Xử lý sự cố

1. Khi phát hiện sự cố ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến tính đầy đủ, chính xác, toàn vẹn, sẵn sàng, bảo mật của cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ, cơ quan, tổ chức, cá nhân phải kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ thực hiện các biện pháp cần thiết để hạn chế phạm vi, mức độ ảnh hưởng của sự cố.

2. Căn cứ tính chất, mức độ của sự cố, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các biện pháp sau đây:

a) Tạm dừng hoặc hạn chế việc cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu đối với hệ thống, cơ sở dữ liệu hoặc tài khoản có liên quan đến sự cố;

b) Cô lập khu vực, hệ thống hoặc thành phần phát sinh sự cố để ngăn chặn sự lan rộng và bảo đảm an toàn cho cơ sở dữ liệu;

c) Kiểm tra, xác định nguyên nhân, phạm vi, mức độ ảnh hưởng của sự cố; thu thập, bảo quản thông tin, nhật ký hệ thống và các dữ liệu phục vụ việc phân tích, xử lý sự cố;

d) Thực hiện khôi phục dữ liệu, khôi phục hoạt động của hệ thống từ bản sao lưu hoặc áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết khác để bảo đảm cơ sở dữ liệu hoạt động thông suốt;

đ) Thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật về dữ liệu, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và quy định của Bộ Nội vụ.

3. Trường hợp sự cố có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu khác hoặc có dấu hiệu mất an toàn thông tin, lộ, mất hoặc bị truy cập trái phép dữ liệu, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ phải kịp thời báo cáo Bộ Nội vụ và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi khắc phục sự cố, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ, chính xác, toàn vẹn và khả năng khai thác của dữ liệu trước khi đưa hệ thống trở lại hoạt động bình thường;

b) Rà soát nguyên nhân, đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự cố và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, khắc phục nhằm hạn chế tái diễn sự cố;

c) Cập nhật đầy đủ thông tin về sự cố, quá trình xử lý và kết quả khắc phục vào hồ sơ quản lý, nhật ký vận hành hệ thống theo quy định.

5. Việc xử lý sự cố đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân hoặc dữ liệu thuộc danh mục hạn chế chia sẻ được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và pháp luật có liên quan.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức được giao quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ

1. Tổ chức quản lý, vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này.
2. Thực hiện cập nhật, chuẩn hóa, làm sạch, đồng bộ và kiểm tra chất lượng dữ liệu theo quy định của Thông tư này.
3. Thiết lập, quản lý tài khoản, phân quyền truy cập, lưu nhật ký hoạt động và kiểm soát việc khai thác, sử dụng dữ liệu theo đúng thẩm quyền.
4. Thực hiện sao lưu, phục hồi dữ liệu; xử lý sự cố; bảo đảm tính liên tục trong vận hành cơ sở dữ liệu.
5. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình quản lý, khai thác và chất lượng dữ liệu theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ

1. Tuân thủ quy định của Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử, pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng và các quy định tại Thông tư này.
2. Quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu đúng mục đích, phạm vi, thẩm quyền được giao; không thu thập, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ hoặc cung cấp dữ liệu trái quy định của pháp luật.
3. Bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất và hợp pháp của dữ liệu do mình tạo lập, quản lý hoặc cập nhật vào cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ.
4. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu; bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân và các loại dữ liệu thuộc phạm vi hạn chế tiếp cận theo quy định của pháp luật.
5. Phối hợp với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ trong việc kiểm tra, đối chiếu, xác thực, cập nhật, hiệu chỉnh, đồng bộ, chia sẻ và khai thác dữ liệu.
6. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ khi phát hiện dữ liệu không chính xác, không đầy đủ, trùng lặp, không còn giá trị sử dụng hoặc phát hiện hành vi truy cập, khai thác, sử dụng dữ liệu trái quy định của pháp luật.
7. Khai thác, sử dụng dữ liệu đúng mục đích, phạm vi và điều kiện được cấp có thẩm quyền cho phép.
8. Không sao chép, chia sẻ, chuyển giao, tiết lộ hoặc sử dụng dữ liệu trái quy định của pháp luật.
9. Thực hiện các yêu cầu về bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu và chịu trách nhiệm về việc sử dụng dữ liệu được khai thác.

Điều 17. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí cho hoạt động xây dựng, cập nhật, kết nối, chia sẻ, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026.

2. Bãi bỏ Thông tư số 14/2024/TT-BNV ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy định cập nhật, khai thác, sử dụng và quản lý cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ.

3. Đối với các cơ sở dữ liệu, tài khoản và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã được xây dựng, vận hành theo Thông tư số 14/2024/TT-BNV tiếp tục duy trì bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động của các hệ thống hiện có.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nội vụ (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) để được hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ; Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ; Cổng pháp luật Việt Nam; Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, TTCNTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trương Hải Long